

Bản án số: 54 /2018/DS-PT

Ngày: 07/9/2018

*V/v “Yêu cầu tiếp tục hợp
đồng mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Thái Thị Phi Yên

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2018/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc “*Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2018/QĐ-PT ngày 17/8/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1967 và bà Nguyễn Thị Bé V - sinh năm: 1976. Cùng trú tại: Số A đường Hg, quận C, thành phố Đà Nẵng. Bà V ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền lập ngày 30/01/2018. Ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc H1 - sinh năm: 1972.

Trú tại: Kb đường H, quận K, thành phố Đà Nẵng. Ông H1 có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hùng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

* Theo đơn khởi kiện gửi Toà án ngày 20/3/2017 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V và ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 24/3/2016, bà Nguyễn Thị Bé V và ông Phạm Quốc H1 có ký giấy bán tài sản đối với xe máy BKS: 43C1-326.42 đứng tên chủ sở hữu tài sản ông Phạm Quốc H1, với số tiền mua bán là 30.000.000 đ, ông Hùng đã nhận đủ tiền. Ông Phạm Quốc H1 có cam kết xin tôi 30 ngày đem xe và giấy tờ xe đến để thực hiện sang tên đổi chủ cho bà V. Tuy nhiên từ đó đến nay, ông Phạm Quốc H1 không thực hiện theo cam kết nên khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quốc H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao xe mô tô biển kiểm soát 43C1-326.42 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011712 do Công an quận Thanh Khê cấp ngày 29/12/2015 đứng tên ông Phạm Quốc H1 cho ông bà.

* Bị đơn ông Phạm Quốc H1 trình bày:

Thực ra ông H1 không có bán xe mà vay của ông Nguyễn Văn H số tiền là 30.000.000đ, hàng tháng ông trả lãi 2.400.000đ, ông đã trả được 6 – 7 tháng sau đó không có khả năng trả nữa nên ông H khởi kiện tôi. Ông khẳng định một lần nữa là ông không có bán xe mà chỉ vay tiền của ông Nguyễn Văn H. Chữ viết trên giấy bán xe là của ông Phạm Quốc H1, khi viết chưa có chữ ký của bên mua. Lúc đưa số tiền 30.000.000đ chỉ có ông H đưa cho tôi chứ không có bà Bé V. Chiếc xe SH biển kiểm soát 43C1-326.42 ông H1 mới mua khoảng ½ năm, giá trị là 149.000.000đ. Hiện nay, xe này ông H1 đã bán cho Salon xe vào đầu năm 2017, ông không nhớ thời gian cụ thể nhưng việc bán xe này Công an đã xác minh rồi. Số tiền trên, ông H1 đã trả lãi nhiều rồi, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông xin trả gốc dần hàng tháng đến hết nợ.

Quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 122, 131, khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Khoản 3 điều 26; Khoản 1 Điều 34, Khoản 1 điều 35; Điều Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V đối với ông Phạm Quốc H1 về việc "*Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản*" lập ngày 24/3/2016.

Tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản ngày 24/3/2016 giữa bà Nguyễn Thị Bé V, ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Quốc H1 vô hiệu.

Buộc ông Phạm Quốc H1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Bé V số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện trả số tiền trên thì còn phải chịu

tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với từng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Bé V có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003212 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Phạm Quốc H1 phải chịu 1.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm và nhận lại tài sản là xe SH biển kiểm soát 43C1-326.42.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND TP Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H thì thấy:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thì vào ngày 24/3/2016, ông Phạm Quốc H1 có ký vào giấy bán xe mô tô biển kiểm soát 43C1-326.42 đứng tên ông Phạm Quốc H1, bên mua đứng tên bà Nguyễn Thị Bé V và ông Phạm Quốc H1 có nhận 30.000.000 đồng từ ông Nguyễn Văn H. Tại giấy bán xe có thể hiện: Hẹn 30 ngày đem xe và giấy tờ xe đến để thực hiện việc sang tên đổi chủ. Thực tế có xảy ra giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Quốc H1, không có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Bé V, chữ ký bên mua tại giấy bán xe không phải là chữ ký của bà V mà ông Nguyễn Văn H thừa nhận là ông tự ký vào bên mua đứng tên bà V. Mặt khác, ông Phạm Quốc H1 xác định đây là khoản tiền vay, ông Nguyễn Văn H yêu cầu viết giấy mua bán xe mô tô SH biển kiểm soát 43C1-326.42 để làm tin, không có việc giao dịch mua bán xe này với giá 30.000.000 đồng trong khi giá trị xe của ông là 149.000.000 đồng.

Đồng thời đối tượng của giao dịch dân sự này là xe mô tô, về hình thức buộc phải có công chứng, chứng thực. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đây là giao dịch dân sự vô hiệu nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo nguyên đơn đều yêu cầu Tòa án buộc bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng giao tài sản là chiếc xe SH biển số kiểm soát 43C1-326.42, nhưng Tòa sơ thẩm tuyên bố hợp đồng mua bán tài sản lập ngày 24/3/2016 vô hiệu, giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu là vượt quá phạm vi khởi kiện, HĐXX phúc thẩm xét cần thiết sửa bản án sơ thẩm về phần này, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; sửa một phần bản án sơ thẩm, chỉ giữ nguyên phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản; không tuyên hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Vì, sửa một phần bản án sơ thẩm không tuyên hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên ông Phạm Quốc H1 không có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V có chứng cứ cho rằng ông Phạm Quốc H1 có nợ ông bà số tiền 30.000.000 đồng thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116 và 117 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V đối với ông Phạm Quốc H1 về việc “Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tài sản” lập ngày 24/3/2016.

2. Sửa một phần án sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ông Phạm Quốc H1 không có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

3. Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: + Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bé V có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003212 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Phạm Quốc H1 không có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003854 ngày 20/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Ông H đã nộp đủ án phí DSPT.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Tòa sơ thẩm
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu HS.
- Dương sự;

Võ Thị Ngọc Dung

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Ông Ngô Hà Nam

Vào lúc , ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 49/2017/TLPT – DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Minh Nhung, sinh năm: 1982; trú tại tổ 01, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm: 1984; trú tại k81/91 Nguyễn Đình Tứ, tổ 08B, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tiến hành thảo luận, nghị án như sau:

* Ý kiến của Thẩm phán Thái Thị Phi Yến:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Hữu Tuấn, HĐXX nhận định: Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu Tuấn thừa nhận ông Tuấn có viết giấy mượn tiền bà Nhung với số tiền 400.000.000 đồng như bà Nhung trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông Tuấn không vay 400.000.000đ như bà Nhung khởi kiện và cho rằng ông Nguyễn Hữu Tuấn là người đã có vợ nhưng giữa ông Tuấn và bà Nhung có quan hệ tình cảm với nhau, để đối phó với vợ ông Tuấn nên bà Nhung và ông Tuấn thống nhất để ông Tuấn viết một giấy mượn tiền 400.000.000 đồng. Việc viết giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng này là nhằm để đối phó với vợ ông Tuấn và để thể hiện quan hệ giữa ông Tuấn bà Nhung là quan hệ làm ăn chứ không có quan hệ tình cảm với nhau. Lời trình bày của ông Tuấn không được bà Nhung thừa nhận. Trong khi đó, bà Nhung khẳng định ngoài khoản vay 400.000.000đ mà ông Tuấn đã viết giấy đúng

vào ngày 10/ 12/ 2016 này thì ông Tuấn còn nợ của bà Nhung nhiều khoản nữa nhưng không viết giấy tờ nên mặc dù bà Nhung biết ông Tuấn đang ghi âm cuộc trao đổi giữa bà và ông Tuấn như nội dung ghi âm mà ông Tuấn cung cấp và bà vẫn nói để ông Tuấn viết giấy nhận nợ nhưng lần đó ông Tuấn vẫn không viết. Mặc khác, trong nội dung ghi âm do bà Nhung cung cấp và ông Tuấn vẫn thừa nhận thì có thể hiện việc bà Nhung yêu cầu ông Tuấn trả trước 250.000.000đ và ông Tuấn được ông Tuấn đồng ý. Hội đồng xét xử thấy việc cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nợ viết ngày 10/12/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung, xử buộc ông Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nhung số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Tuấn, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND TP Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Việc cấp sơ thẩm áp dụng pháp lệnh án phí lệ phí tòa án đã hết hiệu lực pháp luật để giải quyết vụ án là không chính xác, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp. Vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;Quyết định:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 186, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Hữu Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Minh Nhung số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nhung không phải chịu, hoàn trả cho bà Nhung số tiền tạm ứng 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 29 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu là 20.000.000(Hai mươi triệu đồng).

Án phí DSPT: ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 4981 ngày 06/9/2017 của Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí DSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Ý kiến của Thẩm phán Ngô Hà Nam: Thống nhất với ý kiến của Thẩm phán Yên.

* Ý kiến của ông Nguyễn Tấn Anh – Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của hai Thẩm phán.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%):

Quyết định: Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 186, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên bố: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hữu Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Minh Nhung số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nhung không phải chịu, hoàn trả cho bà Nhung số tiền tạm ứng 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 29 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Án phí DSPT: ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 4981 ngày 06/9/2017 của Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí DSPT.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Hà Nam

Thái Thị Phi Yên

Nguyễn Tấn Anh